TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- H phúc

Bản án số:427/2019/HSPT
Ngày: 25/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuân;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/TL-PT ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Hoàng Viết T, do có kháng cáo của bị cáo và đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Hoàng Viết T, sinh năm 1985; HKTT và chỗ ở: thôn Ca, xã H, huyện Kh, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Nghề nghiệp: cán bộ, Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt); Trình độ văn hóa: 12/12 ; Con ông Hoàng Viết Qu, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự : Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2018; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Nguyễn Văn Diên - Luật sư công ty luật TNHH quốc tế Hồng Thái và đồng nghiệp, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để thực hiện chi trả chế độ bảo trợ xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công tại xã H, huyện Kh, Phòng Lao động - thương binh và xã hội huyện Kh đã hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã H và Bưu điện huyện Kh về việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công trên địa bàn xã H. Theo hợp đồng, Ủy ban nhân dân xã H và Bưu điện huyện Kh có trách nhiệm chi trả đảm bảo đúng kỳ, đến tận tay đối tượng, đúng số tiền theo danh sách chi trả do Phòng Lao động, thương binh và xã hội phát hành. Hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã H có trách nhiệm theo dõi và lập danh sách biến động người hưởng trợ cấp để phục vụ chi trả tại xã và báo cáo kịp thời cho phòng Lao động - thương binh và xã hội huyện để lập danh sách chi trả tháng sau. Từ tháng 3/2011 đến tháng 02/2018, Ủy ban nhân dân xã H ủy quyền cho Hoàng Viết T là công chức phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội xã H, thực hiện chi trả trợ cấp xã hội và chi trả trợ cấp ưu đãi người có công. Từ tháng 7/2016 đến tháng 02/2018, T thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi người có công và Đỗ Thị Minh H là cán bộ Bưu điện huyện Kh, được Bưu điện huyện Kh phân công thực hiện việc chi trả các đối tượng trợ cấp xã hội (người cao tuổi, người khuyết tật). Sau khi thực hiện chi trả xong, T trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã H ký xác nhận vào danh sách chi trả, còn H chuyển cho T, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã H ký xác nhận vào danh sách chi trả, sau đó trình Giám đốc Bưu điện huyện Kh ký xác nhận, để quyết toán với Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện. Trường hợp người được hưởng trợ cấp không đến nhận, T và H phải kiểm tra, xác minh nguyên nhân, nếu người hưởng không đến nhận do đã chết hoặc chuyển đi nơi khác phải báo cắt giảm và nộp lại số tiền cho Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện.

Quá trình thực hiện chi trả tiền bảo trợ xã hội và trợ cấp người có công, bị cáo T, H phát hiện tổng số 25 trường hợp được hưởng hằng tháng không đến nhận tiền. Do T, H không thực hiện rà soát nên không phát hiện được 25 trường hợp không đến nhận tiền đã chết để báo Ủy ban nhân dân xã H, Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Kh làm thủ tục cắt giảm theo quy định. Giai đoạn từ tháng 3/2011 đến tháng 02/2018, bị cáo T đã giả mạo chữ ký của 25 trường hợp, bị cáo H giả mạo chữ ký của 19 trường hợp, đề nghị Ủy ban nhân dân xã H, Bưu điện huyện Kh, Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Kh quyết toán tiền và quản lý ngoài sổ sách, không báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, Bưu điện huyện Kh, để chiếm đoạt. Bị cáo Hoàng Văn D trong thời gian làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra danh sách chi trả, ký xác nhận quyết toán để bị cáo T, H chiếm đoạt tài sản, gây hậu quả nghiêm trọng.

Danh sách 25 trường hợp đã chết nhưng vẫn có tên trong danh sách hưởng bảo trợ và trợ cấp hàng tháng:

* Thời điểm từ tháng 3/2011 đến tháng 2/2018, T giả mạo chữ ký của 25 trường hợp nêu trên đề nghị Ủy ban nhân dân xã H, Phòng Lao động, thương binh

và xã hội quyết toán, chiếm đoạt số tiền là 308.414.000 đồng, gồm của các ông, bà: Đỗ Thị N: 4.860.000 đồng; Bùi Huy H: 1.620.000 đồng; Đỗ Thị T: 2.160.000 đồng; Lê Thị Y: 8.280.000đ; Đỗ Hữu Đ: 7.020.000 đồng; Đỗ Thị Th: 5.760.000 đồng; Nguyễn Thị M: 3.060.000 đồng; Nguyễn Thị H: 3.240.000 đồng; Hoàng Thị Ng: 9.360.000 đồng; Bùi Thị Đ: 11.160.000 đồng; Nguyễn Thị Th: 11.520.000 đồng; Nguyễn Thị Chi: 11.520.000 đồng; Bùi Sỹ Th: 11.520.000 đồng; Nguyễn Thị Qu1: 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị Qu2: 8.640.000 đồng; Nguyễn Thị Qu3: 10.080.000 đồng; Bùi Thị B: 13.320.000 đồng; Nguyễn Thị H: 4.140.000 đồng; Đỗ Thị Ph: 3.780.000 đồng; Đỗ Xuân H: 43.558.000 đồng; Nguyễn Thị H: 45.208.000 đồng; Đỗ Thị N: 56.188.000 đồng; Nguyễn Văn B: 4.176.000 đồng; Nguyễn Văn L: 10.940.000 đồng và Nguyễn Văn U: 8.304.000đồng.

* Thời điểm từ tháng 7/2016 đến tháng 02/2018, bị cáo H đã giả mạo chữ ký của 19 trường hợp hưởng bảo trợ xã hội đã chết, đề nghị bị cáo T, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã H, lãnh đạo Bưu điện huyên Kh quyết toán, chiếm đoạt số tiền 55.980.000 đồng, gồm của các ông, bà: Đỗ Thị N: 720.000 đồng; Bùi Huy H: 720.000 đồng; Đỗ Thị T: 720.000 đồng; Lê Thị Y: 450.000 đồng; Đỗ Hữu Đ: 720.000 đồng; Đỗ Thị Th: 720.000 đồng; Nguyễn Thị M: 720.000 đồng; Nguyễn Thị H: 720.000 đồng; Hoàng Thị Ng: 540.000 đồng, Bùi Thị Đ: 4.770.000 đồng, Nguyễn Thị Th: 4.770.000 đồng; Nguyễn Thị Ch: 990.000 đồng; Bùi Sỹ Th: 4.770.000 đồng; Nguyễn Thị Qu1: 4.770.000 đồng; Nguyễn Thị Qu2: 4.770.000 đồng; Nguyễn Thị Qu3: 4.770.000 đồng; Bùi Thị B: 10.800.000 đồng; Nguyễn Thị H: 4.770.000 đồng và Đỗ Thị Ph: 4.770.000 đồng.

Bị cáo T đã biết 19 trường hợp bị cáo H giả mạo chữ ký, để chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn ký xác nhận để quyết toán với Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Kh nên T cũng phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 55.980.000 đồng mà H chiếm đoạt.

Ngoài chi trả tiền bảo trợ xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công nêu trên, tháng 01/2017, T nhận 26 giấy thông báo nhận tiền trợ cấp một lần (mai táng phí) cho 26 trường hợp được hưởng, từ Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Kh, nhưng không chuyển cho các hộ gia đình được hưởng, mà làm giả giấy ủy quyền nhận tiền mai táng phí của 26 trường hợp, trình Hoàng Văn D ký xác nhận ủy quyền, lên nhận tiền mai táng phí tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Kh, với tổng số tiền là 109.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T chỉ chi trả cho 18 trường hợp tương ứng số tiền 70.800.000 đồng, còn lại 08 trường hợp tương ứng với số tiền 38.400.000 đồng không chi trả cho các gia đình ông, bà: Phan Tiến Th, Bùi Đắc T, Bùi Thị Ng, Nguyễn Gia S, Bùi Thị L, Đỗ Thị Đ, Nguyễn Thị M, Bùi Duy To; quản lý ngoài sổ sách, không báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã H.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra thu giữ các đồ vật, tài liệu: 01 tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội, ký hiệu A1; 01 danh sách các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội (BTXH) đề tháng 12/2014, ký hiệu A2; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 01/2014, ký hiệu A3; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 3/2015, ký hiệu A4; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 01/2015, ký hiệu A5; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 4/2017, ký hiệu A6; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 6/2017, ký hiệu A7; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 9/2016, ký hiệu A8; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 8/2017, ký hiệu A9; 01 danh sách các đối tượng hưởng BTXH đề tháng 8/2016, ký hiệu A10; Mẫu dấu của Ủy ban nhân dân xã H, ký hiệu M1; Mẫu dấu của Phòng LĐTBXH huyện Kh, ký hiệu M2; Mẫu dấu của Bưu điện huyện Kh, ký hiệu M3; Mẫu chữ ký của Hoàng Văn D, ký hiệu M4; Mẫu chữ ký của ông Hoàng Văn H, ký hiệu M5; Mẫu chữ ký của ông Đỗ Xuân L, ký hiệu M6; Mẫu chữ ký của ông Vũ Công B, ký hiệu M7; Mẫu chữ ký của Hoàng Viết T ở tờ số 2 trong biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2017, ký hiệu M8; Mẫu chữ ký của bà Đỗ Thị Kim C, ký hiệu M9; Mẫu chữ ký của Đỗ Thị Minh H, ký hiệu M10; Mẫu chữ ký của bà Đỗ Thị T, ký hiệu M11; Mẫu chữ ký của ông Đào Văn H, ký hiệu M12; Mẫu chữ ký của ông Phan Thế H trong giấy mời số 15 ngày 28/11/2013, ký hiệu M13; Mẫu chữ viết của Hoàng Viết T trên bản tự khai ngày 15/12/2017, ký hiệu M14; Mẫu chữ viết của Hoàng Viết T trên bản tự khai ngày 13/12/2017, ký hiệu M15; Mẫu chữ viết của Đỗ Thị Minh H ngày 05/4/2018, ký hiệu M16. Ngoài ra, Cơ quan An ninh điều tra còn thu giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 01 USB nhãn hiệu Kington; 13 sổ lĩnh tiền bảo trợ hàng tháng cùng một số tài liệu khác.

Kết luận giám định số 174 ngày 27/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H xác định:

- Mẫu dấu đỏ hình tròn dưới dòng chữ "Chủ tịch hội đồng" ở mẫu A1 và mẫu dấu hình tròn dưới dòng chữ "TM UBND Xã" ở các mẫu A2, A3, A4, A5. Mẫu dấu đỏ hình tròn dưới dòng chữ "UBND Xã (Thị trấn) và giữa hai dòng chữ "Cán bộ LĐ - TBXH, Chủ tịch" ở các mẫu A6, A7 so với mẫu dấu của UBND xã H ở mẫu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Mẫu dấu đỏ dưới dòng chữ "Thủ trưởng đơn vị" ở các mẫu A2, A3, A4, A5, mẫu dấu đỏ dưới dòng chữ "Phòng LĐTBXH và Trưởng phòng" ở các mẫu A6, A7 so với mẫu dấu của Phòng LĐTBXH huyện Kh ở mẫu M2 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Mẫu dấu đỏ dưới dòng chữ "Bưu điện huyện và Giám đốc" ở các mẫu A6, A7 so với mẫu dấu của Bưu điện huyện Kh ở mẫu M3 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký dưới dòng chữ "Chủ tịch" và một phần chữ ký ở bên trong dấu đỏ, phía trên dòng chữ "CHỦ TỊCH HOÀNG VĂN D" ở các mẫu A6, A7 so với chữ ký của Hoàng Văn D ở mẫu M4 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới dòng chữ "TM UBND Xã" và phía trên dòng chữ "PHÓ CHỦ TỊCH HOÀNG VĂN H" ở các mẫu A4, A5 so với mẫu chữ ký của ông Hoàng Văn H ở mẫu M5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới dòng "CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG và ký, đóng dấu" ở mẫu A1 so với chữ ký của ông Đỗ Xuân L ở mẫu M6 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới dòng chữ "TM UBND Xã" và phía trên dòng chữ "CHỦ TỊCH VŨ CÔNG B" ở các mẫu A2, A3 so với mẫu chữ ký của ông Vũ Công B ở mẫu M7 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới dòng chữ "THƯ KÝ" và phía trên dòng chữ "Hoàng Viết T" ở mẫu A1, chữ ký dưới dòng chữ "Cán bộ chính sách" và phía trên dòng chữ viết tay "Hoàng Viết T" ở các mẫu A2, A3, A4, A5 so với mẫu chữ ký của Hoàng Viết T ở mẫu M8 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới dòng chữ "Bưu điện huyện, Giám đốc" và một phần chữ ký bên trong dấu đỏ, phía trên dòng chữ "GIÁM ĐỐC Đỗ Thị Kim C" ở các mẫu A6, A7 so với mẫu chữ ký của Đỗ Thị Kim C ở mẫu M9 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký ở mục "Bưu điện huyện" dưới dòng chữ "Cán bộ chi trả" và phía trên dòng chữ "Đỗ Minh H" trên các mẫu A6, A7 so với mẫu chữ ký của Đỗ Thị Minh H ở mẫu M10 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký ở mục "Phòng LĐTBXH", dưới dòng chữ "Kế toán" và phía trên dòng chữ "Đỗ Thị T" ở các mẫu A2, A4, A5, A6, A7 so với mẫu chữ ký của bà Đỗ Thị T ở mẫu M11 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký ở mục "Phòng LĐTBXH", dưới dòng chữ "Trưởng phòng" và phía trên dòng chữ "Đào Văn H" ở các mẫu A6, A7 so với mẫu chữ ký của ông Đào Văn H ở mẫu M12 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký ở mục "Phòng LĐTBXH", dưới dòng chữ "Thủ trưởng đơn vị" và phía trên dấu chức danh "Trưởng phòng Phan Thế H" ở các mẫu A2, A3, A4, A5 so với mẫu chữ ký của ông Phan Thế H ở mẫu M13 là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết bằng mực ở mục ký nhận, dòng các số vi tính 59, 306, 56, 57, 64, 72, 86, 91, 123, 183, 195, 229, 457, 595 trên mẫu A8 với chữ viết của Hoàng Viết T trên các mẫu M14, M15 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết bằng mực ở mục ký nhận, dòng các số vi tính 74, 85, 93, 194, 209, 242, 338 trong danh sách các đối tượng hưởng BTXH tháng 9/2016 trên mẫu

A8; chữ viết bằng mực ở mục ký nhận, ở dòng số thứ tự 41- 172 trong danh sách các đối tượng hưởng BTXH tháng 8/2016 trên mẫu A10 và chữ viết ở mục người nhận trên danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng tháng 8/2017 với chữ viết của Đỗ Thị Minh H trên mẫu M16 là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Hoàng Viết T thừa nhận đã giả mạo chữ ký của 25 trường hợp hưởng trợ cấp và làm giả giấy ủy quyền, không chi trả tiền mai táng phí cho 08 trường hợp; Đỗ Thị Minh H thừa nhận đã giả mạo chữ ký của 19 trường hợp hưởng trợ cấp, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Tuy nhiên, T không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền trợ cấp, còn số tiền mai táng phí của 08 trường hợp T cho rằng bản thân chưa chi trả chứ không phải chiếm đoạt. Số tiền trợ cấp sau khi kiểm tra phát hiện, T đã tự nguyện nộp về Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Kh số tiền 204.734.000đ, còn số tiền 104.940.000đ T khai đã tự ý chi trả tiền mai táng phí cho 16 trường hợp gồm các ông bà Đỗ Đình Pho, Bùi Thị H, Bùi Hương D, Đỗ Xuân H, Đỗ Xuân T, Hoàng Văn Qu, Nguyễn Hải L, Nguyễn Thị M, Bùi Thị H, Hoàng Công L, Phan Tiến H, Hoàng Khắc S, Lưu Văn S, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn M hết khoảng 162.000.000đ. Quá trình điều tra xác định 16 trường hợp trên, có 14 trường hợp Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Kh xác định không có hồ sơ đề nghị hưởng và chưa được Ủy ban nhân dân huyện Kh hoặc Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh H ban hành Quyết định cho hưởng mai táng phí, còn 02 trường hợp đã có hồ sơ và Quyết định được hưởng mai táng phí và đã nhận tiền mai táng phí từ Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện. Việc T giả mạo chữ ký của 25 trường hợp, đã được quyết toán với Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện nên T đã hoàn thành việc chiếm đoạt tiền của Nhà nước, việc chi trả tiền mai táng phí thuộc trách nhiệm của Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện chi trả trực tiếp cho người được hưởng, không thông qua xã H, không thuộc trách nhiệm của T, nên việc T dùng tiền chiếm đoạt được để chi tiền cho đối tượng chưa được hưởng chế độ mai táng phí là không đúng quy định.

Quá trình điều tra còn làm rõ, trong các năm 2013, 2015, 2016, T và H còn giả mạo chữ ký của 93 trường hợp hưởng chế độ bảo trợ xã hội và người có công không đến nhận tiền, sau đó T và H tự rà soát, phát hiện 93 trường hợp trên đã chết và chủ động nộp 105 lần rải rác trong các năm 2013, 2015, 2016, với tổng số tiền 228.962.000đ về Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Kh trước khi bị kiểm tra, nên không buộc T và H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này.

Hoàng Văn D trong thời gian làm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã thiếu trách nhiệm không kiểm tra giám sát việc chi trả tiền bảo hiểm xã hội để cho T và H chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HSST ngày 11/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh H áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Viết T 06 (sáu) năm tù về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản", thời hạn tính từ ngày 13/3/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn D và Đỗ Thị Minh H.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Hoàng Viết T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bản thân chưa được đào tạo về kế toán tài chính; gia đình đã nộp phần lớn tiền bồi thường thiệt hại; trong quá trình công tác đã chủ động cắt giảm những trường hợp không còn phải chi trả; gia đình có công với cách mạng bản thân có nhiều thành tích trong công tác, nay sức khỏe yếu nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày lý do xin giảm nhẹ hình phạt là do bị cáo phạm tội do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hình phạt là nặng và bị cáo cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Hoàng Viết T đã giả mạo các tài liệu chiếm đoạt tổng số tiền 346.814.000 đồng, đã nộp 210.734.000 đồng. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có tác động đến gia đình nộp thêm 3.000.000 đồng tiền bồi thường, khắc phục hậu quả và tiền án phí. Đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thực sự ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Hồng Thái trình bày bản bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Vũ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đặc biệt bị cáo đã cố gắng tích cực nộp tiền bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả; sau khi xét xử sơ thẩm có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là gia đình bị cáo nộp thêm 3.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 6.805.000 đồng tiền án phí dân sự; đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của những người có quyền lợi liên quan.

Luật sư Nguyễn Văn Diên trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội thiếu trách nhiệm do lề lối làm việc của chính quyền còn luộm thuộm, không khoa học quy củ; đồng thời cần xem xét trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã khi thu hồi số tiền bị cáo đã ứng ra chi trả; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử không có người tham gia tố tụng khiếu nại nên các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Viết T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm kết án. Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2018, Hoàng Viết T là Công chức của Ủy ban nhân dân xã H được phân công phụ trách công tác thương binh xã hội, được ủy quyền thực hiện hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân xã H với Phòng lao động thương binh xã hội huyện Kh thực hiện việc chi trả tiền trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công. Lợi dụng quyền hạn nhiệm vụ được giao trong thời gian nêu trên, bị cáo T đã giả mạo chữ ký của nhiều người được hưởng trợ cấp nhưng đã chết và nhiều giấy ủy quyền lĩnh tiền mai táng phí để chiếm đoạt tổng số tiền 436.814 000 đồng. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo và gia đình bị cáo đã nộp 210.734.000 đồng để khắc phụ hậu quả. Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo T phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm không chỉ xâm phạm tài sản nhà nước mà còn ảnh hưởng đến uy tín cơ quan Nhà nước; do đó cần phải phạt tù giam đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục; răn đe phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên xét về nguyên nhân hoàn cảnh phạm tội của bị cáo cũng có một phần do người đứng đầu mà cụ thể là Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H đã thiếu trách nhiệm kiểm tra giám sát trong thời gian dài; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; khai báo thành khẩn; đã bồi thường phần lớn thiệt hại; gia đình hai bên nội, ngoại đều là gia đình có công với Cách mạng; bản thân bị cáo được thưởng nhiều giấy khen có thành tích trong công tác; nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo thực sự ăn năn hối cải đã tác động gia đình nộp thêm tiền bồi thường khắc phục thiệt hại; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm. Do đó, có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư

Nguyễn Hồng Thái giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo. Không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Luật sư Nguyễn Văn Diên cho rằng bị cáo phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" vì hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo là hành vi cố ý diễn ra trong thời gian dài. Đồng thời cũng không có cơ sở xem xét trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã H đối với số tiền mà Luật sư cho rằng bị cáo đã ứng ra để chi trả cho những người nhận tiền trợ cấp. Vì trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo đều thừa nhận đã chiếm đoạt tổng số tiền 346.814.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp trả 210.734.000 đồng; sau khi xét xử đã tác động đến gia đình nộp thêm 3.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó, không có cơ sở hủy án sơ thẩm để điều tra lại như đề nghị của Luật sư Diên.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp thêm tiền bồi thường thiệt hại là 3.000.000 đồng và 6.805.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy việc nộp tiền thay cho bị cáo là tự nguyện không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, số tiền bồi thường thiệt hại bị cáo còn phải nộp là 346.814.000 đồng – 210.734.000 đồng – 3.000.000 đồng = 133.080.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Viết T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HSST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

[1] Tuyên bố bị cáo Hoàng Viết T phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

[2] Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Viết T **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp thay bị cáo 3.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001241 ngày 24/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H; bị cáo Hoàng Viết T còn phải có trách nhiệm trả Phòng Lao động huyện Kh 133.080.000 đồng.

- Xác nhận bị cáo Hoàng Viết T đã nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.805.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001182 ngày 30/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

[4] Về án phí: Bị cáo Hoàng Viết T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

	THẨM PHÁN
CÁC THẨM PHÁN	**- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA PHÚC THẨM**
Đặng Văn Hưng **Lê Thị Thúy Bình**	**Trần Văn Tuân**